TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 774/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 09 - 8 - 2022
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH – TP.HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Xuân Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Dòn

2. Ông Trần Hữu Ngôn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 139/2022/TLST–HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2022 về việc: "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 235/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 200/2022/QĐST–HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị Thanh T1, sinh năm 1996
Địa chỉ: 04 N, ấp T, thị trấn Đ, huyện Đ, thành phố C.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1997
Địa chỉ: C3/24A Ấp B, xã V, huyện B, Thành phố H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Võ Thị Thanh T1 trình bày:

Bà và ông Nguyễn Thanh T2 tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2019, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 186 ngày 12 tháng 11 năm 2019. Thời gian đầu bà và ông T2 chung sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do ông T2 có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không có trách nhiệm với gia đình, không chăm lo vợ con. Bà có khuyên ngăn nhiều lần, nhưng ông T2

không thay đổi nên từ đó bà đưa con về nhà mẹ ruột tại thành phố C sinh sống từ tháng 01/2021. Trong thời gian ly thân, ông T2 có điện thoại cho bà để hàn gắn nhưng bà không đồng ý. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn hàn gắn được nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T2.

Về con chung: Bà và ông T2 chung sống với nhau có một con chung tên Nguyễn Hoàng Gia K, sinh ngày 25/11/2019, giới tính nam, hiện đang sống chung với bà. Khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà xác nhận bà và ông T2 không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà xác nhận bà và ông T2 không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông T2 vẫn vắng mặt, không rõ lý do; ông T2 cũng không cung cấp cho Tòa án văn bản thể hiện ý kiến về yêu cầu khởi kiện của bà T1 nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Võ Thị Thanh T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông T2; yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con; và xác định không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Bị đơn ông Nguyễn Thanh T2 vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định.

Về nội dung:

- Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Võ Thị Thanh T1.

- Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Hoàng Gia K cho bà Võ Thị Thanh T1 trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Thanh T2.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Bà Võ Thị Thanh T1 chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Nguyên đơn bà Võ Thị Thanh T1 yêu cầu được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Thanh T2. Đây là tranh chấp về ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn cư trú tại huyện Bình Chánh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

Bị đơn ông Nguyễn Thanh T2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông T2.

[3]. Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy như sau:

[3.1]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 186 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố H cấp ngày 12 tháng 11 năm 2019 thì hôn nhân giữa bà Võ Thị Thanh T1 và ông Nguyễn Thanh T2 là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Theo lời bà T1 trình bày thì bà và ông T2 phát sinh mâu thuẫn từ năm 2020 do ông T2 có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, không có trách nhiệm với gia đình. Mặc đù đã được khuyên ngăn nhiều lần, nhưng ông T2 vẫn không thay đổi nên bà đưa con chung về sống bên nhà mẹ ruột tại thành phố C từ tháng 01/2021. Nay bà không còn tình cảm với ông T2, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu Tòa án cho bà được ly hôn với ông T2.

Đối với ông T2, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông T2 vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có ý kiến phản hồi đối với yêu cầu ly hôn của bà T1, chứng tỏ ông T2 không có thiện chí đoàn tụ.

Mặt khác, căn cứ kết quả xác minh tình trạng hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố H thì:

- Hiện tại giữa bà Võ Thị Thanh T1 với ông Nguyễn Thanh T2 không còn chung sống với nhau và đã ly thân vào tháng 01/2021.

- Bà Võ Thị Thanh T1 và ông Nguyễn Thanh T2 có một con chung là bé Nguyễn Hoàng Gia K, sinh ngày 25/11/2019 hiện đang ở cùng với bà T1 tại thành phố C.

- Ủy ban nhân dân xã chưa giải quyết mâu thuẫn về hôn nhân giữa bà T1 và ông T2.

Từ những cơ sở trên, Hội đồng xét xử nhận thấy tình trạng hôn nhân giữa bà T1 và ông T2 đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên việc bà T1 xin ly hôn với ông T2 là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2]. Về con chung: Bà T1 xác định bà và ông T2 có một con chung tên Nguyễn Hoàng Gia K, sinh ngày 25/11/2019, giới tính nam, hiện đang sống chung với bà T1.

Khi ly hôn, bà T1 yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy, kể từ khi ông T2 không còn sống chung với bà T1 thì trẻ K do bà T1 nuôi dưỡng và hiện tại trẻ chưa đủ 36 tháng tuổi, rất cần sự chăm sóc của mẹ. Do đó, để đảm bảo sự phát triển toàn diện của trẻ cần giao trẻ K cho bà T1 được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T1 không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra để giải quyết.

[3.3]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà T1 trình bày bà và ông T2 không có tài sản chung và cũng không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Tòa án không đặt ra để giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Võ Thị Thanh T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 8, 9, 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Võ Thị Thanh T1 đối với ông Nguyễn Thanh T2.

Bà Võ Thị Thanh T1 được ly hôn với ông Nguyễn Thanh T2.

Giấy chứng nhận kết hôn số 186 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện B, Thành phố H cấp ngày 12 tháng 11 năm 2019 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Hoàng Gia K, sinh ngày 25/11/2019, giới tính nam cho bà Võ Thị Thanh T1 trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Bà T1 không yêu cầu ông T2 cấp dưỡng nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con chung có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi người không trực tiếp nuôi con đến thăm nom, chăm sóc con chung. Không ai có có quyền cản trở quyền thăm nom con chung.

Người không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Võ Thị Thanh T1 xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không đặt ra để giải quyết.

4. Về án phí: Bà Võ Thị Thanh T1 phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0040527 ngày 21/01/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, riêng các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP HCM;
- VKSND H.Bình Chánh;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

2 000004 404208

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Bùi Xuân Hương